

CÔNG TY TNHH SUKAVINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SUKAVINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUKAVINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SUKAVINA CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 3702583439

3. Ngày thành lập: 20/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 292/9, Khu Phố Tân Phú 2, Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1520
2.	Xây dựng nhà các loại	4100
3.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
4.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
5.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
7.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2220
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2212
11.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2814
12.	Thoát nước và xử lý nước thải (không xử lý tại trụ sở chính)	3700
13.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp lý)	7020
14.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
16.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2599

17.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2812
18.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	9521
19.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
20.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, vũ trường)	5630
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
22.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1075
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	2592
24.	Bán buôn gạo	4631
25.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
26.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1329
27.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1430
28.	Sản xuất vải dệt thoi (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1312
29.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
31.	Sản xuất các cấu kiện kim loại (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2511
32.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2816
33.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2825
34.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn linh kiện cơ khí; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
35.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
37.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	9524
38.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1322

39.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2593
40.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2813
41.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2513
42.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
43.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại tại trụ sở chính)	2591
44.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (trừ tư vấn pháp lý)	8211
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4663
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc Danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng)	4620
48.	Sửa chữa thiết bị khác (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3319
49.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (không may trang phục tại trụ sở chính)	1410
50.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1420
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
52.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1629
53.	Phá dỡ	4311
54.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
56.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống điện, báo cháy, báo trộm, camera quan sát	4321
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
58.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2740

59.	Bán buôn thực phẩm	4632
60.	Xây dựng công trình công ích	4220
61.	Sửa chữa thiết bị điện (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3314
62.	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	3312
63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn nhựa và các sản phẩm từ nhựa, phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế phế liệu tại địa điểm trụ sở chính; trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường)	4669
64.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2512
65.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	2710
66.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
67.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	9522
68.	Sản xuất các loại dây bện và lưới (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1324
69.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (không sản xuất, gia công tại trụ sở chính)	1079
70.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng)	4662
71.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM MẠNH TOÀN	Xóm Tân Thành, Xã Hương Trạch, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	183709195	

2	HOÀNG MINH ĐỨC	Thôn 17, Xã Ea Bar, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	241085407	
---	-------------------	---	---------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM MẠNH TOÀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: *15/09/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *183709195*

Ngày cấp: *26/08/2009*

Nơi cấp: *Công an Hà Tĩnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Tân Thành, Xã Hương Trạch, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *292/9, Khu Phố Tân Phú 2, Phường Tân Bình, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương